

TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

SỰ LỰA CHỌN DUY NHẤT CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

60 năm đã trôi qua kể từ ngày bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược. Quan hệ Việt - Pháp đã bước sang một trang mới. Chúng ta có điều kiện nhìn lại một cách chính xác nhiều vấn đề chủ yếu, trong đó có nguyên nhân dẫn đến cuộc kháng chiến toàn quốc của nhân dân Việt Nam.

1. Không phải ngẫu nhiên mà trong *Tuyên ngôn Độc lập* (2-9-1945) Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định “Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp” và tuyên bố “thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xoá bỏ hết những Hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xoá bỏ mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam. Toàn dân Việt Nam trên dưới một lòng, kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp”¹.

1.1. Khi nước Pháp lọt vào tay phát xít Đức (6-1940) và quân Pháp ở Đông Dương đầu hàng phát xít Nhật (9-1940) thì phái kháng chiến lưu vong Đờ-Gôn (Charles De Gaulle) vẫn nuôi ý đồ thực dân đối với nước Việt Nam. Giữa năm 1943, khi quân Mỹ đổ bộ lên Bắc Phi, Đờ-Gôn đến Angiêri, lập ra “Ủy ban giải phóng” nhằm dựa vào Đồng Minh để giải phóng nước Pháp, duy trì nền thống trị của Pháp ở thuộc địa, trong đó có việc “giành lại xứ Đông Dương giàu có từ tay Nhật”². Những người Pháp thuộc phái Đờ-Gôn ở Đông Dương hoàn toàn làm ngơ trước yêu cầu của Việt Minh trong việc hợp tác với nhân dân Việt Nam lập mặt trận chống phát xít. Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ II, thực dân Pháp đã hai lần dâng nước Việt Nam cho Nhật, “phản lại các nước Đồng Minh, giúp sức Nhật để làm Đồng Minh tổn hại rất nhiều”. “Như vậy là Pháp đã tự ra ngoài hàng ngũ Đồng Minh, đã tự xé bỏ những điều ước mà chúng đã ép nước ta ký kết hồi trước”³.

Đầu năm 1945, khi quân Anh - Mỹ phản công mạnh phát xít Nhật ở mặt trận Thái Bình Dương, Đờ-Gôn đốc thúc Bledô (Blaizot) tổ chức “lực lượng viễn chinh Pháp ở Viễn Đông”, chuẩn bị để “làm chủ Đông Dương”.

1.2. Sau khi Nhật đảo chính, lật đổ Pháp, độc chiếm Đông Dương (9-3-1945), ngày 24-3-1945 Đờ-Gôn đưa ra bản tuyên bố về Đông Dương, xác định thể chế cho Đông Dương sau khi được giải phóng, đặt Liên bang Đông Dương trong cái gọi là “Khối Liên hiệp Pháp” mà quyền đối ngoại là do Pháp đại diện. Chính phủ của Liên bang Đông Dương có một viên toàn quyền đứng đầu và những bộ trưởng được chọn trong người bản xứ và những người Pháp ở Đông Dương. Năm xứ trong Liên bang sẽ giữ nguyên tính riêng biệt của mình.

Rõ ràng là mặc dù phải dâng Đông Dương cho Nhật, nhưng Pháp vẫn giữ nguyên quan điểm thực dân, coi Đông Dương là thuộc địa của Pháp. Bản tuyên bố ấy chỉ phối toàn bộ suy nghĩ và hành động của Chính phủ Pháp trong một thời gian dài về sau.

1.3. Tháng 8-1945 cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Chủ nghĩa phát xít bị tiêu diệt. Nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương vùng lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền và đứng ở vị trí làm chủ đất nước, tiếp đón quân Đồng Minh vào tước vũ khí phát xít Nhật. Ngày 17-8-1945, khi lò lửa của cuộc khởi nghĩa dân tộc ở Việt Nam đang bùng cháy, Đờ- Gôn họp Ủy ban Quốc phòng Pháp vạch “Kế hoạch giải phóng Đông Dương”, cử đô đốc Đắc-giăng-li-ơ (Theierry D’Argenlieu) làm cao ủy và cấp tốc chuẩn bị lực lượng đưa sang Đông Dương.

1.4. Điều đáng chú ý là Hội nghị Pôtxdam (Posdam) (từ ngày 17-7-1945 đến ngày 2-8-1945) gồm Liên Xô, Mỹ và Anh đã giao nhiệm vụ tước vũ khí phát xít Nhật ở Đông Dương cho quân đội Anh (Nam vĩ tuyến 16), và quân đội Tưởng Giới Thạch (Bắc vĩ tuyến 16). Pháp không được dự Hội nghị này và cũng không được quy định trách nhiệm gì ở Đông Dương. Nhưng Đờ-Gôn đã tìm gặp Tổng thống Mỹ Tơ-ru-man (H.Truman) tại Oa-sinh-ton đề nghị giúp cho quân Pháp trở lại Đông Dương. Với chiến lược toàn cầu, lúc này Mỹ thấy được “Nguy cơ chủ nghĩa cộng sản đang lan rộng ở Đông Nam á”, song trọng tâm chiến lược của Mỹ đang đặt ở Tây Âu (và sau đó lại tập trung sự chú ý vào Trung Quốc), nên Mỹ chưa có điều kiện can thiệp trực tiếp vào Đông Dương. Vì vậy, Mỹ quyết định ủng hộ ý đồ trở lại Đông Dương của Pháp. Ngày 24-8-1945, Tổng thống Tơ-ru-man tuyên bố với tướng Đờ-Gôn tại Nhà Trắng: “Dù thế nào về vấn đề Đông Dương, Chính phủ tôi không phản đối uy quyền và quân đội Pháp trở lại xứ này”⁴.

Anh đang phải lo giải quyết tình hình ở các thuộc địa Mã Lai, Miến Điện, lại đang can thiệp vào Xy ry, không có điều kiện ở lại Đông Dương, nhưng cũng không muốn Mỹ chi phối toàn bộ khu vực chiến lược này, nên cũng sẵn sàng giúp Pháp. Ngày 24-8-1945, Anh ký với Pháp hiệp định về các nguyên tắc và thể thức khôi phục quyền lực của Pháp tại Đông Dương.

Thế là đã rõ, ý đồ xâm lược Đông Dương lần thứ hai của Pháp, được Mỹ và Anh ủng hộ. Tuy nhiên động cơ của Mỹ và Anh có sự khác nhau: Mỹ cần lôi kéo Pháp để củng cố Tây Âu, tạo thế đối trọng với Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân Đông Âu, nên từ thái độ lên án Pháp trong những năm chiến tranh, chuyển sang lợi dụng Pháp. Anh lại muốn dùng Pháp để ngăn chặn Mỹ bành trướng thế lực ở Đông Nam á.

Các lực lượng đế quốc có mâu thuẫn nhau về quyền lợi, song do cùng chung mục đích chống phá cách mạng Đông Dương, nên đều giúp Pháp trở lại Đông Dương một lần nữa. *Pháp là thủ phạm gây ra cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương, song Mỹ và Anh cũng phải chịu một phần trách nhiệm trong hành động tiếp tay cho Pháp.*

2. Dưới sự che chở của Anh, lực lượng quân Pháp tại miền Nam được tăng cường. Hơn 1400 tù binh Pháp, bị Nhật bắt giam hồi tháng 3-1945, được thả khỏi Khám Lớn và tái vũ trang. Ngày 6-8-1945 một đại đội biệt kích Pháp theo phái bộ quân sự Anh đến Sài Gòn. Giữa tháng 9-1945 có thêm hai đại đội nữa được đưa tới. Hàng ngàn kiều dân Pháp được trang bị khí giới. Dựa vào những lực lượng ấy, thực dân Pháp tiến hành nhiều hoạt động khiêu khích.

Trong khi phủ nhận chính quyền cách mạng của nhân dân Việt Nam, thực dân Pháp tính đến việc sử dụng cựu hoàng đế Duy Tân (Vĩnh San) nhằm xây dựng chính quyền tay sai, nhưng tiếc thay, ngày 25-9-1945, chiếc máy bay chở ông ta về nước đã nổ tung trên bầu trời Bắc Phi.

Sáng sớm ngày 23-9-1945, quân Pháp nổ súng tại Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương lần thứ hai, đánh chiếm sở cảnh sát, kho bạc, trụ sở Ủy ban Hành chính lâm thời Nam Bộ. Từ đó chiến sự lan dần khắp miền Nam.

Như vậy không chỉ trong suy nghĩ mà cả về hành động, thực dân Pháp đã bộc lộ rõ âm mưu xâm lược trở lại Việt Nam. Cuộc chiến tranh đã bùng nổ sau khi Tổng khởi nghĩa thắng lợi ở Sài Gòn chưa đầy một tháng.

Ngày 25-11-1945 Trung ương Đảng ra chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” xác định “kẻ thù chính của chúng ta lúc này là thực dân Pháp xâm lăng, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng”⁵.

3. Mục tiêu của thực dân Pháp không phải chỉ trở lại chiếm miền Nam, mà là xâm lược toàn bộ nước Việt Nam. Vì thế họ ráo riết hành động để có thể đưa quân ra miền Bắc.

Ngày 19-9-1945, tại Paris, trong cuộc hội đàm với Thủ tướng Chính phủ Trùng Khánh Tống Tử Văn, Đờ - Gôn nêu vấn đề "chủ quyền" của Pháp tại Đông Dương. Tống Tử Văn cam kết không xâm phạm đến quyền lợi của Pháp tại Đông Dương. Hai người thoả thuận sẽ đàm phán về các vấn đề có liên quan đến hai bên.

Ngay sau khi quân Pháp gây chiến ở Sài Gòn (23-9-1945), Đắc-giăng-li-ơ từ Ấn Độ đáp máy bay sang Trùng Khánh để điều đình với Chính phủ Tưởng Giới Thạch cho quân Pháp vào miền Bắc Đông Dương.

Cách mạng Trung Quốc ngày càng phát triển. Mỹ và Tưởng Giới Thạch buộc phải rút lực lượng ở Đông Dương về đối phó. Song, họ vẫn muốn kiểm chế cách mạng Việt Nam. Các thế lực đế quốc tự dàn xếp công việc nội bộ, mà kết quả là: ngày 28-2-1946 Hiệp định Pháp – Trung được ký kết tại Trùng Khánh. Theo đó, Pháp được đem quân ra Bắc thay thế quân Tưởng Giới Thạch làm nhiệm vụ tước vũ khí phát xít Nhật.

Tình hình trên đặt Chính phủ và nhân dân Việt Nam đứng trước hai khả năng: hoặc là phải đánh cả Pháp lẫn Tưởng, hoặc là phải hoà với Pháp. Trên cơ sở phân tích toàn diện, Đảng Cộng sản Đông Dương và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chọn khả năng hoà với Pháp. Mặt khác, vào thời điểm này Pháp cũng muốn hoà với Việt Minh để được đưa quân ra Bắc một cách an toàn, tạo điều kiện về thời gian để củng cố lại lực lượng ở miền Nam và xin thêm viện binh nhằm tiến hành một cuộc chiến tranh quy mô lớn, xâm lược toàn bộ nước Việt Nam. Vì thế Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946 được ký kết giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đại diện Chính phủ Pháp.

Đối với thực dân Pháp, đó chỉ là một “Hiệp định đồ bộ” (Accord de débarquement). Trong cuốn “Lịch sử một nền hoà bình hụt” (L’histoire d’une paix manquée) Giăng Xanh tơ ny (Jean - Sainteny) viết: “Các hiệp định ngày 6-3-1946 mà nội dung thường bị phân tích và trích sau này, trả lại quyền hy vọng và quyền sống cho gần ba mươi nghìn người Pháp, chính thức hoá việc thay thế quân Trung Quốc bằng quân của tướng Lơ-cléc (Leclerc) được vào Bắc Kỳ duy trì nước Việt Nam trong Liên bang Đông Dương và do đó biến một quốc gia ngõ ngách, thường xuyên gây rối và bạo loạn thành hòn đá đầu tiên của cái khối liên hiệp Pháp mà nhiều người đã nói đến nhưng chưa hiểu được ý nghĩa chính xác của nó”.

Việc ký Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946 đối với thực dân Pháp chỉ là thủ đoạn để lần thêm một bước trong quá trình xâm lược nước Việt Nam. Sau khi quân Pháp do Lơ-cléc chỉ huy tới Hà Nội, họ ra sức hoạt động phá hoại, xuyên tạc Hiệp định sơ bộ chỉ là “một bản hiệp định cục bộ giữa chính quyền Hà Nội với uỷ viên Cộng hoà Pháp tại miền Bắc”⁶, tìm mọi cách trì hoãn họp hội nghị chính thức ở nước Pháp, không thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản về ngừng bắn ở Nam Bộ, xúc tiến việc thiết lập cái gọi là “Nước Nam kỳ tự trị”, đưa ra yêu sách họp “Hội nghị trừ bị Đà Lạt”...

Ngay từ khi mới đem quân ra Bắc Trung Bộ, tướng Lơ Cléc chỉ thị cho cấp dưới “không phải chỉ đặt lại trật tự trước kia của Pháp mà thôi, còn phải bênh vực quyền lợi Pháp trong khi những cuộc đàm phán diễn ra ở Đông Dương và ở Paris nữa. Sự bênh vực ấy sẽ được thực hiện, hoặc bằng phương

pháp khoan hoà mỗi ngày đem lại một bước tiến bộ không ngừng, hoặc bằng một vũ lực khi cần thiết”⁷.

4. Với thiện chí hoà bình, mong muốn giải quyết xung đột bằng con đường thương lượng, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kiên trì đàm phán với Pháp trên nguyên tắc giữ vững chủ quyền dân tộc của Việt Nam và đảm bảo mối quan hệ hữu nghị Việt - Pháp, đảm bảo những quyền lợi kinh tế và văn hoá của Pháp ở Việt Nam.

Tại Hội nghị trù bị ở Đà Lạt (4-1946) và Hội nghị chính thức họp tại Phong-ten-nơ-blô (Fontainebleau) (7-1946), phía Pháp hết sức ngoan cố bám giữ lập trường thực dân, không chịu công nhận nền độc lập, thống nhất của nước Việt Nam.

Do lập trường đàm phán hoàn toàn trái ngược nhau, các hội nghị trên không đi đến kết quả gì. Đàm phán tan vỡ. Nguy cơ chiến tranh bùng nổ đến gần. Với thiện chí hoà bình của dân tộc Việt Nam, với quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi chiến tranh, đồng thời tạo thêm thời gian, chuẩn bị đối phó với khả năng Pháp gây chiến tranh quy mô lớn, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với đại diện Chính phủ Pháp bản Tạm ước ngày 14-9-1946, cụ thể hoá thêm một số điểm về quyền lợi của Pháp ở Việt Nam.

Trong lời tuyên bố trước quốc dân ngày 23-10-1946, Hồ Chí Minh nói: “Hội nghị Việt - Pháp chưa kết thúc, tháng giêng năm sau sẽ tiếp tục. Nhưng thoả thuận tạm thời 14-9, một là làm cho hai bên Việt - Pháp dễ làm ăn, hai là dọn đường cho cuộc hội nghị sau này tiến hành một cách thuận tiện”⁸.

Thái độ ôn hoà của Chính phủ Việt Nam đối với Pháp không phải là thái độ nhu nhược, thụ động. “Nếu Pháp công nhận Việt Nam độc lập và thống nhất trong khối liên hiệp Pháp thì thôi; bằng không thì Việt Nam sẽ trở lại một nước thoát ly khỏi liên hiệp Pháp một khi cuộc kháng chiến của Việt Nam toàn thắng”⁹.

5. Ngay khi đàm phán đang diễn ra ở nước Pháp, tháng 7-1946 Tướng Valuy (thay thế cho Lơ-cléc) đã công khai bộc lộ ý đồ muốn chấm dứt “mọi cuộc thương lượng lằng nhằng”. Theo Becna Phôn (Bernard Fall) thì “lực lượng quân sự Pháp đưa sang Đông Dương quá lớn đến nỗi làm cho các cấp chỉ huy Pháp không cưỡng nổi tâm lý muốn sử dụng nó”.

Ngày 18-10-1946 trong cuộc gặp gỡ với Hồ Chí Minh trên Vịnh Cam Ranh, Đắc-giăng-li-ơ lảo xược đòi “Giải giáp và hồi hương (!) quân đội miền Bắc có mặt ở Nam Bộ” nhưng đã vấp phải sự cự tuyệt dứt khoát”¹⁰.

Trong khi Chính phủ và nhân dân Việt Nam nghiêm chỉnh thực hiện Tạm ước ngày 14-9-1946, trả cho Pháp viện Patxơ (Hà Nội), ngừng bắn ở Nam Bộ..., thì thực dân Pháp ra sức thực hiện âm mưu khiêu khích, gây sức ép về chính trị và lấn tới về quân sự. Ngày 20-11-1946, họ trắng trợn bắn vào nhân viên công an và thuế quan của Việt Nam tại Hải Phòng. Khi bị lực lượng Việt Nam tự vệ bắn lại, Đắc-giăng-li-ơ và Va-luy hạ lệnh chiếm dứt Hải Phòng, Lạng Sơn đồng thời đổ hàng nghìn quân lên Đà Nẵng.

Ngay khi quân Pháp gây hấn ở Hải Phòng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: Nếu quân Pháp tái diễn lại ở Hà Nội việc chúng đã làm ở Hải Phòng thì nhất định nhân dân ta phải đứng lên chống lại chúng. Ngày 12-12-1946, Trung ương Đảng ra chỉ thị "Toàn dân kháng chiến", phác họa những nét cơ bản về một cuộc chiến tranh nhân dân.

Trong khi nỗ lực cứu vãn một nền hòa bình mong manh, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn ra sức chuẩn bị đối phó với khả năng chiến tranh, chỉ đạo nhân dân xây dựng lực lượng về mọi mặt và dự kiến trước một đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện.

Tháng 12-1946 thực dân Pháp đưa xung đột vũ trang vào Hà Nội. Ngày 17-12 quân Pháp bắn vào trụ sở tự vệ Thành phố và gây ra vụ thảm sát ở phố Hàng Bún. Ngày 18-12, họ đưa xe thiết giáp chiếm trụ sở Bộ Tài chính và Bộ Giao thông Công chính, liên tiếp gây xung đột ở các khu vực: chợ Long Biên, Cửa Đông, Yên Ninh. Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện cho Thủ tướng Pháp Léon Blum yêu cầu thi hành những biện pháp kiên quyết để chấm dứt tình trạng căng thẳng hiện thời. Phía Pháp không trả lời.

Sáng sớm ngày 19-12-1946, Moóc-li-e (Morlière), tư lệnh quân viễn chinh Pháp ở miền Bắc Đông Dương, gửi tới hậu thư đòi tước vũ khí tự vệ Hà Nội, dọa chiếm Sở Công an Thủ đô và đòi giao quyền kiểm soát cảnh sát giao thông cho chúng, tức là đòi nhân dân Việt Nam hạ vũ khí đầu hàng.

Một khi không thể tránh khỏi chiến tranh thì phải dốc tất cả cho chiến tranh. Khả năng hoà hoãn không còn nữa. Mọi nhân nhượng của Chính phủ và nhân dân Việt Nam đã đến giới hạn cuối cùng. Nhân dân Việt Nam chỉ có một con đường: cầm vũ khí đứng lên chiến đấu vì độc lập tự do.

Ngày 19-12-1946 Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*: “Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên !¹¹.

“Ngày nay ai là người có lương tri đều phải công nhận nhân dân ta hết sức yêu chuộng hoà bình, Chính phủ ta ôn hoà đến cực điểm; nhưng đã phải đánh thì quyết đánh! Nín nhịn đã nung nấu trong lòng dân tộc ta biết bao uất hận, nổ thành một sức mạnh xung thiên”¹².

Chú thích:

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, T4, Nxb CTQG, HN, 2000, tr. 3.

² Xem Trần Trọng Trung: *Lịch sử một cuộc chiến tranh bất thủ*, T1, Nxb QĐND, HN, 1979, tr. 19.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, T4, Sđd, tr. 90.

⁴ Xem Lưu Văn Lợi: *Năm mươi năm ngoại giao Việt Nam*, T1, Nxb CAND, HN, 1996, tr. 427.

⁵ *Văn kiện Đảng Toàn tập*, T8, Nxb Chính trị Quốc gia, HN, 2000, tr. 26.

⁶ Xem Lưu Văn Lợi: *Năm mươi năm ngoại giao Việt Nam*, T1, Sđd, tr. 94.

⁷ Trường Chinh: *Tuyển tập*, tập 1, ST, HN, 1987, tr. 224.

⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, T4, Sđd, tr. 418.

⁹ Trường Chinh: *Tuyển tập*, tập 1, Sđd, tr. 234.

¹⁰ Xem Trần Trọng Trung: *Lịch sử một cuộc chiến tranh bất thủ*, T1, Sđd, tr. 119 và 120.

¹¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, T4, Sđd, tr. 480.

¹² Trường Chinh: *Tuyển tập*, tập 1, Sđd, tr.330.